

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Kế toán tài chính 1			
Mã học phần:	71ACCT30093	Số tín chỉ:	03	
Mã nhóm lớp học phần:	241_71ACCT30093_02, 03			
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận		Thời gian làm bài:	75	phút
Thí sinh được tham khảo tài liệu:		☒ Có		☐ Không

SV chỉ được tham khảo tài liệu giấy

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/P I
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng các nguyên tắc kế toán, phương pháp tính giá, phương pháp hạch toán kế toán tiền, các khoản phải thu, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tài sản cố định, vốn chủ sở hữu và kế toán giá thành và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp sản xuất.	Trắc nghiệm	20%	Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4	0,5 0,5 0,5 0,5	PLO2/ PI2.1
CLO2	Vận dụng các quy định của Chế độ kế toán để trình bày các chỉ tiêu liên quan trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.	Trắc nghiệm	10%	Câu 5 Câu 6	0,5 0,5	PLO2/ PI2.2
CLO3	Hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến kế toán tiền, phải thu, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, tài sản cố định, vốn chủ sở hữu và kế toán giá thành và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp sản xuất.	Tự luận	60%	Phần tự luận	6,0	PLO8/ PI8.2
CLO5	Thể hiện sự tuân thủ Luật kế toán và Luật thuế trong khi giải quyết các tình huống nêu ra trong học phần.	Trắc nghiệm	10%	Câu 7 Câu 8	0,5 0,5	PLO9/ PI9.1

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (4.0 điểm) bao gồm 8 câu, mỗi câu 0.5 điểm

Câu 1 (random 1 trong 2)**Câu 1a-CLO1/lần 2/:**

Số dư của các tài khoản kế toán liên quan đến khoản nợ phải thu của khách hàng A trước khi lập trích dự phòng nợ phải thu khó đòi vào cuối năm N là:

TK131-A (dư Nợ): 210.000.000, thời hạn thanh toán tháng 2/N-1

TK2293-A (dư Có): 90.000.000 (dự phòng đã lập cuối năm N-1)

Kế toán tiến hành ghi sổ bút toán dự phòng cuối năm N như sau:

- A.** Nợ TK 642 15.000.000
 Có TK 2293 15.000.000
- B.** Nợ TK 642 105.000.000
 Có TK 2293 105.000.000
- C.** Nợ TK 2293 15.000.000
 Có TK 642 15.000.000
- D.** Nợ TK 2293 105.000.000
 Có TK 642 105.000.000

ANSWER: A

Câu 1b-CLO1/lần 2/:

Số dư của các tài khoản kế toán liên quan đến khoản nợ phải thu của khách hàng A trước khi lập trích dự phòng nợ phải thu khó đòi vào cuối năm N là:

TK131-A (dư Nợ): 150.000.000, thời hạn thanh toán tháng 2/N-1

TK2293-A (dư Có): 90.000.000 (dự phòng đã lập cuối năm N-1)

Kế toán ghi sổ bút toán dự phòng cuối năm N như sau:

- A.** Nợ TK 2293 15.000.000
 Có TK 642 15.000.000
- B.** Nợ TK 642 75.000.000
 Có TK 2293 75.000.000
- C.** Nợ TK 642 15.000.000
 Có TK 2293 15.000.000
- D.** Nợ TK 2293 75.000.000
 Có TK 642 75.000.000

ANSWER: A

Câu 2 (random 1 trong 2)**Câu 2a-CLO1/lần 2/**

Công ty mua chịu 1.000 kg nguyên vật liệu với đơn giá mua chưa thuế 100.000 đồng/đơn vị, thuế GTGT được khấu trừ 10%. Sau khi kiểm nhận thì phát hiện thiếu 100kg chưa rõ nguyên nhân, công ty tiến hành nhập kho theo số thực nhận. Kế toán ghi sổ:

A.	Nợ TK 152	90.000.000	
	Nợ TK 1331	10.000.000	
	Nợ TK 1381	10.000.000	
	Có TK 331		110.000.000
B.	Nợ TK 152	90.000.000	
	Nợ TK 1331	9.000.000	
	Nợ TK 1381	10.000.000	
	Có TK 331		109.000.000
C.	Nợ TK 152	100.000.000	
	Nợ TK 1331	10.000.000	
	Có TK 331		100.000.000
	Có TK 3381		10.000.000
D.	Nợ TK 152	100.000.000	
	Nợ TK 1331	10.000.000	
	Có TK 331		110.000.000

ANSWER: A

Câu 2b-CLO1[lần 2]

Công ty mua chịu 1.000 kg nguyên vật liệu với đơn giá mua chưa thuế 100.000 đồng/đơn vị, thuế GTGT được khấu trừ 10%. Sau khi kiểm nhận thì phát hiện thừa 100kg chưa rõ nguyên nhân, công ty tiến hành nhập kho theo số thực nhận. Kế toán ghi sổ:

A.	Nợ TK 152	110.000.000	
	Nợ TK 1331	10.000.000	
	Có TK 331		110.000.000
	Có TK 3381		10.000.000
B.	Nợ TK 152	110.000.000	
	Nợ TK 1331	11.000.000	
	Có TK 331		111.000.000
	Có TK 3381		10.000.000
C.	Nợ TK 152	100.000.000	
	Nợ TK 1331	10.000.000	
	Có TK 331		100.000.000

Có TK 3381 10.000.000

D. Nợ TK 152 100.000.000

 Nợ TK 1331 10.000.000

 Nợ TK 1381 10.000.000

 Có TK 331 120.000.000

ANSWER: A

Câu 3 (random 1 trong 2)

Câu 3a-CLO1/lần 2/

Ngày 29/5/N, công ty xuất kho nhiên liệu trị giá 2.000.000 đồng để sửa chữa một dây chuyền sản xuất sản phẩm, biết quá trình sửa chữa lớn này vẫn chưa hoàn thành. Kế toán ghi sổ:

A. Nợ TK 2413 2.000.000

 Có TK 152 2.000.000

B. Nợ TK 211 2.000.000

 Có TK 152 2.000.000

C. Nợ TK 242 2.000.000

 Có TK 152 2.000.000

D. Nợ TK 627 2.000.000

 Có TK 152 2.000.000

ANSWER: A

Câu 3b-CLO1/lần 2/

Ngày 29/5/N, công ty xuất kho nhiên liệu trị giá 2.000.000 đồng để bảo dưỡng thường xuyên cho dây chuyền sản xuất sản phẩm. Kế toán ghi sổ:

A. Nợ TK 627 2.000.000

 Có TK 152 2.000.000

B. Nợ TK 211 2.000.000

 Có TK 152 2.000.000

C. Nợ TK 242 2.000.000

 Có TK 152 2.000.000

D. Nợ TK 154 2.000.000

 Có TK 152 2.000.000

ANSWER: A

Câu 4 (random 1 trong 2)

Câu 4a-CLO1/lần 2/

Công ty đem một tài sản cố định hữu hình để đi thế chấp để vay 100.000.000 đồng. Biết tài sản cố định trên có nguyên giá 160.000.000 đồng, hao mòn lũy kế 50.000.000 đồng. Kế toán ghi sổ:

A.	Nợ TK 244	110.000.000	
	Nợ TK 214	50.000.000	
	Có TK 211		160.000.000
B.	Nợ TK 244	100.000.000	
	Nợ TK 214	50.000.000	
	Nợ TK 811	10.000.000	
	Có TK 211		160.000.000
C.	Nợ TK 344	110.000.000	
	Nợ TK 214	50.000.000	
	Có TK 211		160.000.000
D.	Nợ TK 344	100.000.000	
	Nợ TK 214	50.000.000	
	Nợ TK 811	10.000.000	
	Có TK 211		160.000.000

ANSWER: A

Câu 4b-CLO1/lần 2/

Công ty đem một tài sản cố định hữu hình để đi thế chấp để vay 110.000.000 đồng. Biết tài sản cố định trên có nguyên giá 150.000.000 đồng, hao mòn lũy kế 50.000.000 đồng. Kế toán ghi sổ:

A.	Nợ TK 244	100.000.000	
	Nợ TK 214	50.000.000	
	Có TK 211		150.000.000
B.	Nợ TK 244	110.000.000	
	Nợ TK 214	50.000.000	
	Có TK 211		150.000.000
	Có TK 341		10.000.000
C.	Nợ TK 344	100.000.000	
	Nợ TK 214	50.000.000	
	Có TK 211		150.000.000
D.	Nợ TK 344	110.000.000	
	Nợ TK 214	50.000.000	

Có TK 211	150.000.000
Có TK 341	10.000.000

ANSWER: A

Câu 5 (random 1 trong 2)

Câu 5a-CLO2[lần 2]

Đầu năm N, thông tin chi tiết về tài sản cố định hữu hình tại công ty X như sau:

Số dư TK 211: 800.000.000 đồng

Số dư TK 2141: 112.000.00 đồng

Biết trong năm N, công ty X không có sự biến động về tài sản cố định và mức khấu hao cần trích lập trong năm N là 80.000.000 đồng. Vậy thông tin liên quan đến TSCĐ sẽ được ghi nhận như thế nào trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N?

- A. Chỉ tiêu “Nguyên giá” thuộc TSCĐ hữu hình, mã số 222, số tiền ghi dương 800.000.000; chỉ tiêu “Giá trị hao mòn lũy kế”, mã số 223, số tiền ghi âm là (192.000.000)
- B. Chỉ tiêu “Nguyên giá” thuộc TSCĐ hữu hình, mã số 222, số tiền ghi dương 800.000.000; chỉ tiêu “Giá trị hao mòn lũy kế”, mã số 223, số tiền ghi âm là (80.000.000)
- C. Chỉ tiêu “Nguyên giá” thuộc TSCĐ hữu hình, mã số 222, số tiền ghi dương 800.000.000; chỉ tiêu “Giá trị hao mòn lũy kế”, mã số 223, số tiền ghi âm là (112.000.000)
- D. Chỉ tiêu “Nguyên giá” thuộc TSCĐ hữu hình, mã số 222, số tiền ghi dương 800.000.000; chỉ tiêu “Giá trị hao mòn lũy kế”, mã số 223, số tiền ghi dương là 80.000.000

ANSWER: A

Câu 5b-CLO2[lần 2]

Đầu năm N, thông tin chi tiết về tài sản cố định hữu hình tại công ty X như sau:

Số dư Nợ của TK 211: 400.000.000 đồng

Số dư Có của TK 2141: 56.000.00 đồng

Biết trong năm N, công ty X không có sự biến động về tài sản cố định và mức khấu hao cần trích lập trong năm N là 40.000.000 đồng. Vậy thông tin liên quan đến TSCĐ sẽ được ghi nhận như thế nào trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N?

- A. Chỉ tiêu “Nguyên giá” thuộc TSCĐ hữu hình, mã số 222, số tiền ghi dương 400.000.000; chỉ tiêu “Giá trị hao mòn lũy kế”, mã số 223, số tiền ghi âm là (96.000.000)
- B. Chỉ tiêu “Nguyên giá” thuộc TSCĐ hữu hình, mã số 222, số tiền ghi dương 400.000.000; chỉ tiêu “Giá trị hao mòn lũy kế”, mã số 223, số tiền ghi âm là (40.000.000)
- C. Chỉ tiêu “Nguyên giá” thuộc TSCĐ hữu hình, mã số 222, số tiền ghi dương 400.000.000; chỉ tiêu “Giá trị hao mòn lũy kế”, mã số 223, số tiền ghi âm là (56.000.000)

D. Chỉ tiêu “Nguyên giá” thuộc TSCĐ hữu hình, mã số 222, số tiền ghi dương 400.000.000; chỉ tiêu “Giá trị hao mòn lũy kế”, mã số 223, số tiền ghi dương là 40.000.000

ANSWER: A

Câu 6 (random 1 trong 2)

Câu 6a-CLO2[lần 2]

Công ty X có lợi nhuận lũy kế trước kỳ kế toán năm N là 450.000.000 đồng. Trong năm N, kế toán đã trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm trước là 100.000.000 đồng và kết quả kinh doanh năm N bị lỗ 50.000.000 đồng. Thông tin liên quan đến lợi nhuận chưa phân phối công ty X sẽ được ghi nhận như thế nào trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N?

- A.** Mã số 421a, số tiền được ghi số dương là 350.000.000 và mã số 421b, số tiền được ghi số âm là (50.000.000)
- B.** Mã số 421a, số tiền được ghi số dương là 450.000.000 và mã số 421b, số tiền được ghi số âm là (50.000.000)
- C.** Mã số 421a, số tiền được ghi số dương là 450.000.000 và mã số 421b, số tiền được ghi số dương là 150.000.000
- D.** Mã số 421a, số tiền được ghi số dương là 350.000.000 và mã số 421b, số tiền được ghi số dương là 50.000.000

ANSWER: A

Câu 6b-CLO2[lần 2]

Công ty X có lợi nhuận lũy kế trước kỳ kế toán năm N là 500.000.000 đồng. Trong năm N, kế toán đã dùng trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm trước là 50.000.000 đồng và kết quả kinh doanh năm N bị lỗ 150.000.000 đồng. Thông tin liên quan đến lợi nhuận chưa phân phối công ty X sẽ được ghi nhận như thế nào trên Bảng cân đối kế toán cuối năm N?

- A.** Mã số 421a, số tiền được ghi số dương là 450.000.000 và mã số 421b, số tiền được ghi số âm là (150.000.000)
- B.** Mã số 421a, số tiền được ghi số dương là 500.000.000 và mã số 421b, số tiền được ghi số âm là (150.000.000)
- C.** Mã số 421a, số tiền được ghi số dương là 500.000.000 và mã số 421b, số tiền được ghi số dương là 150.000.000
- D.** Mã số 421a, số tiền được ghi số dương là 450.000.000 và mã số 421b, số tiền được ghi số dương là 150.000.000

ANSWER: A

Câu 7 (random 1 trong 2)

Câu 7a-CLO5[lần 2]

Theo qui định hiện hành, trường hợp mua tài sản cố định dùng cho mục đích bán hàng nhưng không sử dụng được ngay mà phải qua khâu lắp đặt, chạy thử trước khi hoạt động, giá trị tài sản mua về kế toán ghi nhận vào:

- A. Bên Nợ TK 2411
- B. Bên Nợ TK 6414
- C. Bên Nợ TK 2412
- D. Bên Nợ TK 211

ANSWER: A

Câu 7b-CLO5[lần 2]

Theo qui định hiện hành, giá trị phụ tùng thay thế đi kèm với tài sản cố định khi mua sẽ được kế toán ghi nhận vào:

- A. Bên Nợ TK 153
- B. Bên Nợ TK 2411
- C. Bên Nợ TK 242
- D. Bên Nợ TK 211

ANSWER: A

Câu 8 (random 1 trong 2)

Câu 8a-CLO5[lần 2]

Theo qui định hiện hành, chi phí sản xuất sản phẩm sẽ không bao gồm:

- A. Chi phí công cụ dụng cụ dùng cho công tác bán hàng
- B. Chi phí nguyên liệu trực tiếp chế tạo sản phẩm
- C. Chi phí tiền lương cho quản lý phân xưởng
- D. Chi phí khấu hao dây chuyền sản xuất sản phẩm

ANSWER: A

Câu 8b-CLO5[lần 2]

Theo qui định hiện hành, chi phí sản xuất sản phẩm sẽ không bao gồm:

- A. Chi phí nguyên liệu dùng cho công tác bán hàng
- B. Chi phí công cụ dụng cụ dùng tại phân xưởng sản xuất
- C. Chi phí tiền lương cho quản lý phân xưởng
- D. Chi phí khấu hao dây chuyền sản xuất sản phẩm

ANSWER: A

PHẦN TƯ LUẬN-CLO3 [LẦN 2] (6.0 điểm)

Một số thông tin về chính sách kế toán tại công ty Thuận Phát như sau:

- Kỳ kế toán tháng;

- Quản lý hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên;
- Tính giá xuất hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước;
- Trích khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) theo phương pháp đường thẳng;
- Kê khai, tính thuế Giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ.

Số dư của một số tài khoản kế toán tại ngày 1/12/N:

<i>Tài khoản</i>	<i>Số dư (đồng)</i>	<i>Thông tin chi tiết</i>
TK 153	20.000.000	
TK 131- Thiên An	100.000.000	Dư Nợ, khoản phải thu từ công ty Thiên An
TK 155	500.000.000	2.500 sản phẩm, đơn giá 200.000 đồng/sản phẩm
<i>Các tài khoản khác có số dư hợp lý.</i>		

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại công ty trong tháng 12/N sau:

1.a.1. Ngày 2, xuất kho một cái quạt trị giá 1.200.000 đồng ra sử dụng tại phân xưởng sản xuất, biết thời gian phân bổ hợp lý của công cụ này là 3 kỳ tính từ tháng này.

1.a.2. Ngày 5, xuất kho 1.000 sản phẩm bán chịu cho công ty Kim Minh với đơn giá bán chưa thuế 350.000 đồng/sản phẩm, thuế GTGT 10%, điều kiện thanh toán 2/10, n/30.

1.a.3. Ngày 8, công ty Kim Minh chuyển khoản thanh toán tiền hàng mua chịu từ ngày 5 sau khi trừ chiết khấu thanh toán được hưởng 2% trên tổng số tiền nợ.

1.a.4. Ngày 9, thanh lý một máy photocopy cũ dùng tại phòng Kế toán có nguyên giá 175.000.000 đồng, hao mòn lũy kế 150.000.000 đồng; tổng giá thanh lý 66.000.000 đồng, trong đó bao gồm thuế GTGT 10%, chưa thu được tiền từ người mua Hòa Phát.

1.a.5. Ngày 10, cửa hàng báo hỏng 1 cái máy in trị giá 6.000.000 đồng, đã phân bổ vào chi phí 4.000.000 đồng và thu hồi được phế liệu nhập kho 500.000 đồng. Cùng ngày, công ty chuyển khoản mua một máy in khác hiệu HP để thay thế với giá mua bao gồm thuế GTGT 10% là 7.700.000 đồng, thời gian phân bổ hợp lý 5 tháng tính từ tháng này.

1.a.6. Ngày 29, mua chịu một lô nguyên liệu từ công ty sản xuất thương mại Nhật Anh. Thông tin cụ thể theo hóa đơn nhận trước như sau: số lượng mua 100kg, đơn giá chưa thuế 80.000 đồng/kg, thuế GTGT 8%. Hàng vẫn đang trên đường vận chuyển và chưa về nhập kho.

1.a.7. Ngày 31, kế toán thực hiện các công việc sau:

- Ghi nhận lô nguyên vật liệu mua từ công ty Nhật Anh vẫn chưa về nhập kho;
- Phân bổ công cụ dụng cụ đang sử dụng tại phân xưởng sản xuất (cái quạt) và đang sử dụng tại cửa hàng (máy in HP)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	
Câu 1	A	0.5	
Câu 2	A	0.5	
Câu 3	A	0.5	
Câu 4	A	0.5	
Câu 5	A	0.5	
Câu 6	A	0.5	
Câu 7	A	0.5	
Câu 8	A	0.5	
II. Tự luận		6.0	
1.a.1	Nợ TK 242 1.200.000 Có TK 153 1.200.000	0.5	
1.a.2	Nợ TK 131 385.000.000 Có TK 5111 350.000.000 Có TK 33311 35.000.000 Tính giá vốn hàng bán: Nợ TK 632 200.000.000 Có TK 155 200.000.000	0.5 0.5	
1.a.3	Nợ TK 1121 377.300.000 Nợ TK 635 7.700.000 Có TK 131-KM 385.000.000	0.5	
1.a.4.	Nợ TK 811 25.000.000 Nợ TK 2141 150.000.000 Có TK 211 175.000.000 Nợ TK 131-HP 66.000.000 Có TK 711 60.000.000 Có TK 3331 6.000.000	0.5 0.5	
1.a.5.	Nợ TK 152 500.000 Nợ TK 6413 1.500.000	0.5	

	Có TK 242 2.000.000 Nợ 242 7.000.000 Nợ TK 1331 700.000 Có TK 1121 7.700.000		
1.a.6	Lưu hóa đơn, không hạch toán	0.5	
1.a.7	Hàng mua đang đi đường Nợ TK 151 8.000.000 Nợ TK 1331 640.000 Có TK 331 8.640.000 Phân bổ CCDC Nợ TK 6273 400.000 Có TK 242 400.000 Nợ TK 6413 1.400.000 Có TK 242 1.400.000	0.5 0.5 0.5	
	Điểm tổng	10.0	

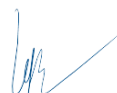
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 Tháng 11 năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



ThS. Nguyễn Thị Thu Vân



ThS. Nguyễn Thị Kim Phụng